TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2026/HC-PT Ngày: 21 - 9 - 2026 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Bà Đinh Cẩm Đào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Xuân Thũy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 15/2026/TLPT-HC ngày 12 tháng 8 năm 2026, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2026/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Danh B, sinh ngày 25/10/1965;

Số CCCD: 095065000439, cấp ngày 12/3/2025.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973.

Số CCCD: 095073000486, cấp ngày 20/4/2021;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2025, có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh K – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau, (văn bản ủy quyền số 1320/UBND ngày 18/9/2026, có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã P, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1968;

Số CCCD: 095168008812, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Ấp L, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phan Văn S (văn bản ủy quyền ngày 21/7/2025, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Danh B, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Phan Văn S trình bày:

Vào năm 2024, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu có giao cho gia đình ông B Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M (viết tắt là Quyết định số 220), thu hồi 155m^2 đất của ông Danh B và vợ Nguyễn Thị H tại một phần thửa đất số 1441, tờ bản đồ số 08, loại đất chuyên trồng lúa nước,….

Đến ngày 29 tháng 7 năm 2024, UBND huyện có giao Quyết định số: 305/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ông Danh B và vợ bà Nguyễn Thị H bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M (viết tắt là Quyết định số 305).

Ông B không đồng ý với các Quyết định nêu trên với lý do Quyết định số 220 thu hồi 155,0 m^2 đất là loại đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư, còn Quyết định số 305 là đất trồng lúa vị trí 1, đơn giá là 4.476.200 đồng, còn vị trí 2, đơn giá là 3.357.200 đồng.

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P áp giá bồi thường là đất trồng lúa là chưa phù hợp. Bởi vì, tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Quyết định số: 12/2023/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnh B quy định:

Về chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: Gia đình ông B có hai nhân khẩu, đó là ông Danh B và vợ là bà Nguyễn Thị H. Theo điểm a khoản 3 Điều 19 của Nghị định số: 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (viết tắt là Nghị định số 47) có quy định thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng. Tuy nhiên, trong trích lục (Ban hành kèm theo Quyết định số 305 chỉ hỗ trợ một nhân khẩu 3.150.000đ là chưa phù hợp theo điểm a khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 47.

Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc: Trích lục (Ban hành kèm theo Quyết định số 305) vị trí 1 là 97.00m^2, đơn giá 200.000đ; vị trí 2 là

58.00m^2, đơn giá 150.000đ. Tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Quyết định số 12 quy định: *"Trường hợp đất nông nghiệp không xen kẽ khu dân cư*: *Hỗ trợ bằng tiền bằng 3,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại* trong *bảng giá* đất *của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi*. *Trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Hỗ trợ bằng tiền bằng 2,0 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi*". Do đó, trích lục (Ban hành kèm theo Quyết định số 305) giá 200.000 đồng x 2,0 lần là chưa phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Quyết định số 12.

Từ việc áp giá và thực hiện chính sách hỗ trợ không đúng quy định, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B, bà H.

Ông B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 và Quyết định số: 305/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P có văn bản số: 597/UBND-PKT ngày 12/6/2026, thể hiện nội dung:

Về căn cứ pháp lý tại thời điểm ban hành Quyết định số 220: căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai năm 2013, quy định về căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, như sau: "1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này; 2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt".

Qua rà soát, dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M (nay là xã P) là dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại điểm d khoản 3 điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, việc thu hồi đất là căn cứ theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện P.

Ngoài ra, việc thu hồi đất tại Quyết định số 220 còn căn cứ vào nhiều văn bản khác nhau, xin diễn dẫn một số văn bản sau: Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh B về việc sửa đổi Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh "về việc thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu" và thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M tại thị trấn P; Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M; Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 và Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Về diện tích đất thu hồi 155m^2 theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 206/QĐ-

UBND ngày 26/7/2024 của UBND huyện P, tỉnh Bạc Liêu (cũ) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M thuộc loại đất nông nghiệp trong khu dân cư.

Về áp giá bồi thường đất cho ông B, bà H thực hiện theo Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện P, việc áp giá bồi thường đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư (đính kèm theo Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện P).

Theo Giấy xác nhận về việc cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp do UBND thị trấn P xác nhận năm 2024 thì chỉ có bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, nghề nghiệp: Làm ruộng (đính kèm theo Giấy xác nhận về việc cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp do UBND thị trấn P xác nhận).

Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12: "Trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Hỗ trợ bằng tiền bằng 2,0 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi".

Về vị trí áp dụng theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh B được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh B. Đối với việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh B quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thuộc trường hợp đất nông nghiệp trong khu dân cư (đính kèm theo Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện P đã được phê duyệt). Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Danh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là ông Phan Văn S trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Danh B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2026/HC-ST ngày 25/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh B về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 220 và Quyết định số 305.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, ông Danh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 220 hủy Quyết định số 305.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện người khởi kiện, ông Phan Văn S trình bày: Rút kháng cáo về yêu cầu hủy Quyết định số 220; giữ nguyên kháng cáo về yêu cầu hủy Quyết định số 305.

Căn cứ kháng cáo:

(1) Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh B về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (viết tắt Quyết định số 12).

(2) Không đồng ý nội dung Quyết định số 305 về việc áp giá bồi thường về đất, vì đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư phải nhân hệ số 2,0; về chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, diện tích bị thu hồi nhân với hệ số 3,5 chứ không phải nhân hệ số 2,0;

- Đại diện người bị kiện trình bày: Kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, bởi vì UBND xã P căn cứ vào Nghị định của Chính phủ và Quyết định số 12, Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh để làm căn cứ lập dự toán, lập phương án về số tiền bồi thường, hỗ trợ.

Quyết định số 305, về chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi của ông B, áp dụng Quyết định số 520 của UBND tỉnh B, loại đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư, ở vị trí số 1 nên được tính giá giá 200.000đ/m^2 x 22,381 lần = 4.476.200đ x 97m^2 = 434.191.400đ; ở vị trí số 2 nên được tính giá giá 150.000đ/m^2 x 22,381 lần = 3.357.200 x 58m^2 = 194.717.600đ.

Về chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: đất thu hồi thuộc đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư thì quy định hỗ trợ 2,0 chứ không phải 3,5 (trường hợp được hỗ trợ 3,5 là đất nông nghiệp không xen kẽ khu dân cư).

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo về yêu cầu hủy Quyết định số 305, giữ nguyên bản án sơ thẩm; đình chỉ đối với yêu cầu rút một phần nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Danh B thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xem xét về thời hiệu khởi kiện, Quyết định số 220 và Quyết định số 305 được ông B nhận vào ngày 02/8/2024, đến ngày 23/7/2025, ông B gửi đơn khởi kiện, do đó, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Ủy ban nhân dân huyện P có thẩm quyền ban hành Quyết định số 220 và Quyết định số 305. (được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 và khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013).

Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Chủ tịch UBND xã P, tỉnh Cà Mau kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là đúng quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Xét kháng cáo,

[3.1] Liên quan đến các quyết định hành chính bị khiếu kiện là phần đất có diện tích 155,0m^2, đất của ông Danh B và vợ Nguyễn Thị H tại một phần thửa đất số 1441, tờ bản đồ địa chính số 08, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước; mảnh trích đo địa chính số 02.2021 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B lập vào tháng 11/2021.

Quyết định số 220 thu hồi phần đất nêu trên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M và được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 305, tổng số tiền bồi thường là 766.836.634đ.

Ông B cho rằng bồi thường chưa đúng quy định, đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

[3.2] Ông B đồng ý với Quyết định số 220 về việc thu hồi 155,0m^2 để thực hiện dự án; tuy nhiên, ông B không đồng ý với giá bồi thường và các chính về hỗ trợ khi thu hồi đất. Cụ thể ông không đồng ý giá 3.357.200đ đối với diện tích đất 58m^2; không đồng ý liên quan đến hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3.3] Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề:

- Xem xét về giá bồi thường: Quyết định số: 520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện P về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị M (viết tắt là Quyết định số 520), UBND huyện P (cũ) đã căn cứ vào Quyết định số 520 để xác định về vị trí khu đất, loại đất, hệ số điều chỉnh giá đất, theo đó, tiếp giáp đường N đoạn từ Lộ V - P đến đường Q, 30m đầu được tính ở vị trí số 1, đơn giá 2.150.000đ, hệ số điều chỉnh giá đất 3,486; vì vậy, 30m đầu giáp lộ có diện tích 97m^2 đơn giá 4.476.200đ = 434.191.400đ (do đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư nên giá được tính là 200.000đ x với 22,381 lần x 97m^2), trường hợp của ông B Nhà nước nhân hệ số lên đến 22,381 lần chứ không phải nhân ba lần như ông B trình bày; từ sau mét thứ 30 đến 50 xác định là vị trí số 2, đơn giá 1.505.000đ, hệ số điều chỉnh giá đất 3,486; vì vậy, từ sau 30 mét thì diện tích được tính là 58m^2 x đơn giá 3.357.200đ = 194.717.600đ.

Như vậy, UBND huyện căn cứ vào Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, việc áp giá bồi thường đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đã tính toán có nhân hệ số để áp giá bồi thường cho ông Danh B đúng quy định.

- Về chính sách hỗ trợ:

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Quyết định số 12, thì hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất đất nông nghiệp thuộc đối tượng xét. Theo Giấy xác nhận về việc cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp do UBND thị trấn P xác nhận năm 2024 thì chỉ có bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, nghề nghiệp: Làm ruộng; do đó, hộ của ông B có một nhân khẩu là bà H được hỗ trợ số tiền 3.150.000đ (06 tháng x 30kg gạo/tháng).

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: tại điểm a khoản 1 Điều 24 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12: *"Trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư: Hỗ trợ bằng tiền bằng 2,0 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi".* Căn cứ quy định này, UBND huyện đã tính mức bồi thường bằng hai lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi, cụ thể: 97m^2 x 200.000đ x hệ số 2,0 = 38.800.000đ và 58m^2 x 150.000đ x hệ số 2,0 = 17.400.000đ.

Ông B yêu cầu hỗ trợ cao hơn là không có căn cứ, bởi vì theo quy định viện dẫn trên, đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư chỉ được hỗ trợ nhân hệ số 2,0; nếu là đất đất nông nghiệp không xen kẽ khu dân cư thì mới được hỗ trợ nhân hệ số 3,5 lần.

[4] Xét thấy, Quyết định số 305 chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông B, bà H được tính toán dựa trên văn bản quy định pháp luật; do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đúng như Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần nội dung kháng cáo đối với yêu cầu hủy Quyết định số 220. Hội đồng xét xử đình chỉ xét phúc thẩm về việc rút kháng cáo này của đương sự.

[6] Về án phí phúc thẩm đương sự là người cao tuổi, được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 229 và khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm về việc rút kháng cáo đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M.

Bác kháng cáo của ông Danh B; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2026/HC-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Danh B về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 220/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M và Quyết định số: 305/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ông Danh B và vợ bà Nguyễn Thị H bị ảnh hưởng dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị M.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Danh B phải chịu số tiền 2.782.522 đồng; ông Danh B đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng, được hoàn lại số tiền 7.217.478 đồng.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Danh B được miễn tiền án phí. Ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai số 0004136 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (do ông Phan Văn S nộp thay ông Danh B), được nhận lại.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Danh B được miễn.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền